

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:09/2018/HC-PT

Ngày: 10-8-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về hỗ trợ thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hà.

Bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 6 và ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2018/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Minh H – sinh năm 1962.

Trú tại: Khu phố Long Hải B, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Minh T - Trưởng phòng T, thị xã S. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 274,5m² UBND thị xã S thu hồi là đất hành lang QL1A, ông H đổ đất nâng nền, sử dụng từ năm 1988 đến 2014 thì nhà nước thực

hiện chủ trương giải phóng mặt bằng mở rộng QL1A. Ngày 15/10/2014 UBND thị xã S có quyết định số 4894/QĐ-UBND thu hồi 274,5m² loại đất trồng cây lâu năm, thửa số 38, tờ bản đồ GPMB số 25, đồng thời cùng ngày UBND thị xã ban hành Quyết định số 4899/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường số 3189/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng trong đó phần đất của ông H. Ông H nhận được Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ ngày 14/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông 35% giá đất ở. Trong khi các hộ liền kề thì được hỗ trợ 50% giá đất ở nên ngày 30/12/2014 ông H có đơn khiếu nại đến UBND thị xã S.

Ngày 10/9/2015 ông H nhận được Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại không công nhận đơn khiếu nại của ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa hủy Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S và buộc UBND thị xã S hỗ trợ cho ông 50% giá đất ở cùng vị trí đối với diện tích đất bị thu hồi 274,5m².

Người bị kiện trình bày:

Ngày 15/10/2014 UBND thị xã S ban hành Quyết định số 4894/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 274,5m² của ông Lê Minh H để thực hiện công trình mở rộng QL1A, cùng ngày UBND thị xã ban hành Quyết định số 4899/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường số 3189/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng trong đó phần đất của ông Hùng. Ngày 14/10/2014 Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo 3186A/TB-PTQĐ hỗ trợ 35% giá đất ở cho ông Lê Minh H. Ngày 06/12/2014 ông H có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thị xã phải hỗ trợ 50% giá đất ở cùng vị trí. Ngày 06/7/2015 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3377/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không công nhận đơn khiếu nại của ông H.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ giải quyết khiếu nại thì ông H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc đất thuộc quyền sử dụng của mình, diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận, trước đây là đất hành lang an toàn đường QL1A, nằm trũng hơn so với mặt đường và liền kề với diện tích đất ông H sử dụng. Năm 1989 ông H đổ đất nâng nền sử dụng ổn định, liên tục cho đến khi bị thu hồi đất nêu trên. Quá trình sử dụng không bị xử lý vi phạm hành chính, không có tranh chấp. Căn cứ Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì trường hợp của ông H được bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm, theo khoản 2 Điều 19 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh P thì trường hợp ông H được hỗ trợ 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi. Việc ông H so bì với các hộ liền kề ông T, bà K được hỗ trợ 50% là không có cơ sở vì việc hỗ trợ đối với các hộ này chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 31 Luật tổ tụng hành chính; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về thi hành Luật tổ tụng hành chính.

Điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013, Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-

CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 23 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh H đối với hồ trợ đất do thu hồi, yêu cầu UBND thị xã S hỗ trợ 50% giá đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2017 ông Lê Minh H kháng cáo quá hạn, yêu cầu Tòa hủy: Quyết định 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S. Ngày 05/01/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Lê Minh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện ông Lê Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo, lời trình bày có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ông H sử dụng diện tích đất 274,5m² nêu trên từ năm 1989, việc bàn giao mốc lộ giới giữa Sở GT tỉnh Phú Yên với UBND xã X quản lý vào ngày 30/5/2002, trường hợp ông H sử dụng đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ là không vi phạm khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/CP nên vẫn được bồi thường, hỗ trợ. Theo khoản 2 Điều 19 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh P thì trường hợp ông H được hỗ trợ 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi. Việc ông H so bì với các hộ liền kề ông T, bà K được hỗ trợ 50% là không có cơ sở vì việc hỗ trợ đối với các hộ này chưa đúng quy định pháp luật.

Giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S, đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông H vì không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và chưa thu thập đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ vụ án, thiếu đối tượng khởi kiện là phương án thu hồi, bồi thường và hỗ trợ đối với ông H. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính tuyên hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Đơn kháng cáo quá hạn của ông Lê Minh H đã được chấp nhận nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 12/01/2016

ông H nộp đơn khởi kiện Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 29 Luật tổ tụng hành chính 2010 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về thi hành Luật tổ tụng hành chính 2015 thì còn trong thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

[3] Về đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S và buộc UBND thị xã S hỗ trợ cho ông 50% giá đất ở cùng vị trí đối với diện tích đất bị thu hồi. Xét diện tích đất bị thu hồi là tài sản chung của vợ chồng ông H, việc quyết định mức hỗ trợ khi thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND thị xã S và việc xác định nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND xã X (UBND thị xã S quyết định mức giá bồi thường, hỗ trợ trên cơ sở xác định loại đất, nguồn gốc đất của UBND xã X). Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chỉ xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã S, không đưa vợ ông H (bà Lê Thị T), UBND xã X và UBND thị xã S vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Ông H yêu cầu Tòa buộc UBND thị xã S hỗ trợ mức 50% nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn ông H khởi kiện Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Phương án số 3189/PA-PTQĐ ngày 15/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông báo số 3239/TB-PTQĐ ngày 18/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ để xem xét tính hợp pháp của các văn bản này là chưa xem xét đầy đủ đối tượng khởi kiện của ông H trong vụ án này.

[4] Về nội dung: Nguồn gốc đất 274,5m² ông H sử dụng từ năm 1989 đến khi bị thu hồi trước đây là đất hành lang an toàn giao thông quốc lộ 1A, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định thời gian công bố, cắm mốc và bàn giao mốc lộ giới để xem xét tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất ông H đã có hành vi “Lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố, cắm mốc” theo điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP hay không. Đồng thời chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định hành chính do UBND thị xã S ban hành căn cứ Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014.

[5] Ngày 26/9/2017 Tòa án nhân dân thị xã S mở phiên tòa sau thời điểm Luật tổ tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 5 Điều 131, Điều 136 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính là vi phạm thủ tục tố tụng.

[6] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã S, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông Lê Minh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 241, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính. Khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí: Hoàn trả cho ông Lê Minh H 300.000đ tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 6384 ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TX Sông Cầu;
- VKSND TX Sông Cầu;
- Chi cục THADSTX Sông Cầu;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Minh